

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ TH ÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HS-ST

Ngày 29 - 10 - 2020

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ TH ÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi và bà Bùi Phương Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án N dân thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1971, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà 86, đường N, khu phố H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: không đi học; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn D, (đã chết) và bà: Hà Thị C, (đã chết); vợ: Văn Thị N, sinh năm 1973; bị cáo có ba con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2020 đến ngày 18/7/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thị Hải H1, sinh năm 1969; Trú tại: Số nhà 04, tổ 41, phường Kỳ Bá, thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

- Người chứng kiến:

1. NCK1, sinh năm 1973; Trú tại: Số nhà 05/6, tổ 06, phường Phú Khánh, thành phố Th ái Bình; vắng mặt.

2. NCK2, sinh năm 1986; sinh năm 1986; Trú tại: Số nhà 37, tổ 14, phường Kỳ Bá, thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 15/7/2020, Lê Văn N điều khiển xe máy nhãn hiệu SHARK màu nâu, biển kiểm soát 17B9 – 010.77 đến khu vực ngõ 2, đường H2, tổ 04, phường Q, thành phố Th tìm mua ma túy để về sử dụng. Đến nơi N gặp 01 người phụ nữ khoảng 62 tuổi, không biết tên và địa chỉ đang đứng một mình, N hỏi “chị có ma túy không bán cho em 200.000 đồng”, người phụ nữ trả lời “có, đưa tiền đây”, N đưa cho người phụ nữ 200.000 đồng, người phụ nữ nhận tiền rồi lấy 01 gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ đưa cho N, N cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe đi tìm chỗ để sử dụng ma túy. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi N đi đến khu vực ngõ 12, đường H2, tổ 12, phường Q, thành phố Th thì bị tổ công tác của Công an thành phố Th ái Bình yêu cầu dừng lại để kiểm tra vì nghi có liên quan đến ma túy. Trước sự chứng kiến của NCK1 và NCK2, N tự giác giao nộp từ lòng bàn tay trái của mình cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, N khai đó là ma túy (hêrôin) của N mua về để sử dụng cho bản thân; kết quả giám định đó là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,1807 gam. Sau đó tổ công tác đưa N và mời người chứng kiến về trụ sở Công an phường Q, thành phố Th làm việc. Tại đây kiểm tra người N và xe máy biển kiểm soát 17B9 – 010.77 không phát hiện, quản lý gì. Sau đó tổ công tác Công an thành phố Th ái Bình đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và quản lý, niêm phong số vật chứng, tài sản trên.

Tại bản kết luận giám định số 265/KLGD- PC09 ngày 16/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi: “Vật chứng quản lý của Lê Văn N là ma túy, loại heroine (hêrôin), có khối lượng 0,1807 gam”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số 137/CT-VKSTPTB ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Văn N mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 15/7/2020.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, không giao dịch để bán kiếm lời nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định.

- Chấp nhận cơ quan điều tra trả lại cho Chị Phan Thị Hải H1, sinh năm 1969; trú tại số nhà 04, tổ 41, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình 01 xe máy nhãn hiệu Shark màu nâu, biển kiểm soát 17B9 – 010.77.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Hồi 08 giờ ngày 15/7/2020, tại khu vực ngõ 12, đường H2, tổ 12, phường Q, thành phố Thái Bình Lê Văn N có hành vi tàng trữ trái phép trong người 01 gói ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,1807 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 08 giờ 15 phút ngày 15/7/2020 tại trụ sở Công an phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 09 giờ 30 phút ngày 15/7/2020 do Công an thành phố lập; Bản Kết luận giám định số 265/KLGD- PC09 ngày 16/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của người chứng kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

...”.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo Lê Văn N thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, do bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, thu nhập của bị cáo không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Lê Văn N khối lượng 0,1807 gam ma túy loại hêrôin còn lại sau giám định là 0,1722 gam ma túy trong phong bì niêm phong số 265/KLGD-PC09 ngày 16/7/2020 là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Lê Văn N khai mua của một người phụ nữ khoảng 62 tuổi, không biết tên, khu vực ngõ 2, đường H2, tổ 4, phường Q, thành phố Th nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Shark màu nâu, biển kiểm soát 17B9 – 010.77, tài liệu điều tra xác định là xe của Chị Phan Thị Hải H1, sinh năm 1969, trú tại: Số nhà 04, tổ 41, phường Kỳ Bá, thành phố Th ái Bình. Ngày 15/7/2020 chị Hà cho bị cáo mượn xe nhưng không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe máy trên để đi mua ma túy về sử dụng. Ngày 01/9/2020 cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị Hà quản lý và sử dụng. Chị Hà không có ý kiến gì.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/7/2020.
3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy có trong 01 phong bì niêm phong số 265/KLGD mẫu vật hoàn trả sau giám định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Th ái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 01 tháng 10 năm 2020).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/10/2020). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án N dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án N dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

